TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2018/DS-ST
Ngày: 19 - 11 - 2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ngọc Anh.

Bà Nguyễn Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kho - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2018/TLST-DS, ngày 27 tháng 8 năm về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXXDS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Ngọc B (tên thường gọi là B New), sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Tố N, sinh năm 1980 và ông Lê Thanh T, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Khu phố 3, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Ngô Thị Bé H (tên thường gọi là E), sinh năm 1983.

Địa chỉ: Đường C, khu phố 1, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bà Trương Thị N1 (tên thường gọi là M), sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Bà Huỳnh Thị Thu B1 (tên thường gọi là P), sinh năm 1981.

Địa chỉ: Đường N, khu phố 1, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

4. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An.

5. Ông Tống Phước V, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Đường N, khu phố 5, phường 1, thị xã K, tỉnh Long An.

Bà B có mặt; bà N và ông T vắng mặt không có lý do; bà H, bà N1, bà B1, bà T, ông V có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Ngô Thị Ngọc B và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Ngô Thị Ngọc B trình bày: Ông Lê Thanh T và bà Trần Thị Tố N là vợ chồng hợp pháp. Hiện nay, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà N vẫn còn tồn tại. Vào năm 2017, 2018 bà B có tham gia chơi 06 dây hụi tuần, tháng do bà N đứng ra làm chủ thảo và bà N có tham gia chơi 01 dây hụi tháng do bà B đứng ra làm chủ thảo. Loại hụi 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/phần/tháng, mỗi tháng khui một lần và loại hụi 200.000 đồng/phần/tuần, mỗi tuần khui một lần. Bà B đã đóng 06 dây hụi tuần, tháng được tổng cộng 110.460.000 đồng thì bà N tuyên bố bể hụi nhưng không trả lại tiền hụi đã đóng cho bà B và bà N phải đóng lại 01 dây hụi tháng đã hốt đến tháng 10 năm 2018 cho bà B với số tiền 35.000.000 đồng. Đồng thời, vào các ngày 23, 27, 28 tháng 4 năm 2018 bà B có cho bà N vay tổng số tiền gốc 145.000.000 đồng. Khi bà B giao 145.000.000 đồng cho bà N thì chỉ có một mình N nhận tiền và tự tay ký vào bên vay trong giấy vay tiền các ngày 23, 27, 28 tháng 4 năm 2018, khi đó không có mặt ông T. Các bên thỏa thuận với lãi suất là 4%/tháng, thời hạn trả là 01 tháng thì bà N sẽ hoàn trả hết số tiền gốc, lãi. Từ khi vay đến nay, bà N chưa trả cho bà B được khoản tiền gốc, lãi nào. Mục đích bà N đứng ra làm chủ thảo các dây hụi, tham gia chơi hụi, vay tiền của bà B nhằm làm ăn, tìm kiếm lợi nhuận để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình ông T và bà N. Tuy nhiên, việc bà N có sử dụng số tiền vay 145.000.000 đồng để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình ông T và bà N hay không, bà B không biết. Khi làm chủ thảo hụi, tham gia chơi hụi, vay tiền thì bà B và bà N không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho nhau. Nay bà B khởi kiện yêu cầu ông T và bà N phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền gốc đã đóng 07 dây hụi và tiền vay gốc tổng cộng 290.460.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Lời khai của những người làm chứng – Bà Ngô Thị Bé H, bà Trương Thị N1, bà Huỳnh Thị Thu B1, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Tống Phước V khai: Bà B cùng bà H, bà N1, bà B1, bà T, ông V có tham gia chơi các dây hụi do bà N

và bà B đứng ra làm chủ thảo. Bà H xác định bà B đã đóng hụi sống 01 dây hụi tháng cho bà N được tổng số tiền gốc 54.100.000 đồng. Bà N1 xác định bà B đã đóng hụi sống 01 dây hụi tuần cho bà N được tổng số tiền gốc 8.300.000 đồng. Bà B1 xác định bà B đã đóng hụi sống 02 dây hụi tháng cho bà N và đóng lại 01 dây hụi tháng đã hốt của bà B được tổng số tiền gốc 63.760.000 đồng. Bà T xác định bà B đã đóng hụi sống 01 dây hụi tháng cho bà N được tổng số tiền gốc 13.500.000 đồng. Ông V xác định bà B đã đóng hụi sống 01 dây hụi tháng cho bà N được tổng số tiền gốc 5.800.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tống đạt hợp lệ đối với ông T và bà N nhưng ông T và bà N không đến tham dự các phiên hòa giải theo quy định pháp luật. Đồng thời, ông T và bà N cũng không gửi văn bản nêu ý kiến về việc bà B khởi kiện yêu cầu ông T và bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà B. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn Kho - Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định như việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng, việc gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng pháp luật, trong xét xử đảm bảo cho các bên thực hiện quyền tranh luận và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của bà B là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, buộc ông T và bà N phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền góp hụi gốc tổng cộng 145.460.000 đồng; chỉ buộc bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà B số tiền vay gốc 145.000.000 đồng; buộc ông T và bà N phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 145.460.000 đồng; buộc bà N phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 145.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản, bị đơn là ông T, bà N có địa chỉ tại khu phố 3, phường 3, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của ông T và bà N tại phiên tòa: Ông T và bà N đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng ông T và bà N vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà N là phù hợp theo các Điều 177, 179, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà B khởi kiện yêu cầu ông T và bà N phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền góp hụi gốc tổng cộng 145.460.000 đồng là có chứng cứ chứng minh bằng các danh sách chơi hụi do bà N lập, ký tên và được bà Ngô Thị Bé H, bà Trương Thị N1, bà Huỳnh Thị Thu B1, bà Nguyễn Thị Kim T, ông Tống Phước V là những người tham gia chơi hụi chung với bà B xác nhận bà B đã đóng hụi sống cho bà N và bà N đã hốt hụi do bà B làm chủ thảo đối với 07 dây hụi được tổng cộng 145.460.000 đồng. Đồng thời, mục đích bà N đứng ra làm chủ thảo các dây hụi nhằm tìm kiếm lợi nhuận để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình ông T và bà N. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và yêu cầu khởi kiện của bà B là buộc ông T và bà N phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền gốc tổng cộng 145.460.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 288, 471 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của bà B khởi kiện yêu cầu ông T và bà N phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà B số tiền vay gốc 145.000.000 đồng là có căn cứ một phần thể hiện qua giấy vay tiền các ngày 23, 27, 28 tháng 4 năm 2018 do bà N ký nhận nợ. Ông T không ký nhận nợ vào giấy vay tiền các ngày 23, 27, 28 tháng 4 năm 2018. Đồng thời, bà B cũng không có chứng cứ chứng minh số tiền 145.000.000 đồng là nợ chung của ông T và bà N. Mặt khác, bà B cũng không có chứng cứ chứng minh mục đích bà N vay số tiền 145.000.000 đồng của bà B để sử dụng vào nhu cầu thiết yếu của gia đình bà N và ông T. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và một phần yêu cầu khởi kiện của bà B là chỉ buộc bà N phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà B số tiền gốc 145.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà B được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T và bà N phải có nghĩa vụ liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 145.460.000 đồng, buộc bà N phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 145.000.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước; bà B không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 179, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 288, 357, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ngọc B:

Buộc ông Lê Thanh T và bà Trần Thị Tố N phải thực hiện nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Thị Ngọc B số tiền hụi gốc 145.460.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Buộc bà Trần Thị Tố N phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Ngọc B số tiền vay gốc 145.000.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Buộc ông Lê Thanh T và bà Trần Thị Tố N phải có nghĩa vụ liên đới chịu 7.273.000 đồng (bảy triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.2 Buộc bà Trần Thị Tố N phải có nghĩa vụ chịu 7.250.000 đồng (bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.3 Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị Ngọc B 8.511.500 đồng (tám triệu năm trăm mười một nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006881 ngày 21 tháng 8 năm 2018 của Chi cục T hành án dân sự thị xã K.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đương sự, báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Diệu